

VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NGÀNH GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

ThS. TRẦN THỊ THIỆP*

Ngày nhận bài: 14/05/2016; ngày sửa chữa: 18/05/2016; ngày duyệt đăng: 18/05/2016.

Abstract: The paper presents the survey on the employment issues of bachelor of the Special education, at Hanoi National University of Education in term of job opportunities and employment situation. The article also proposes solutions to help graduated students of Special Education of Hanoi National University of Education easily seek the proper jobs.

Keywords: Employment, graduates, special education.

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội bắt đầu đào tạo ngành *Giáo dục đặc biệt* (GDĐB) trình độ cử nhân hệ chính quy tập trung từ năm 2000. Tính đến nay, đã có hơn 700 sinh viên (SV) tốt nghiệp ngành này. Nghiên cứu tìm hiểu bức tranh về việc làm của SV tốt nghiệp ngành GDĐB (sau đây viết tắt là SV tốt nghiệp) để đề xuất việc tận dụng sản phẩm đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho GDĐB, góp phần định hướng đổi mới chương trình đào tạo và bồi dưỡng về GDĐB là việc làm hết sức cần thiết; đồng thời góp phần thực hiện định hướng phát triển giáo dục trẻ khuyết tật ở Việt Nam giai đoạn 2015-2020, đó là: “*Phát triển nguồn nhân lực đảm bảo số lượng, cơ cấu và chất lượng cho giáo dục trẻ khuyết tật*” [1], [2].

Nghiên cứu thực hiện trên nhóm mẫu gồm có 135/302 SV tốt nghiệp của 10 khóa đào tạo đầu tiên (ra trường từ năm 2004-2013). Nhóm mẫu này có đặc điểm như sau (bảng 1):

Bảng 1. Đặc điểm nhóm mẫu khảo sát

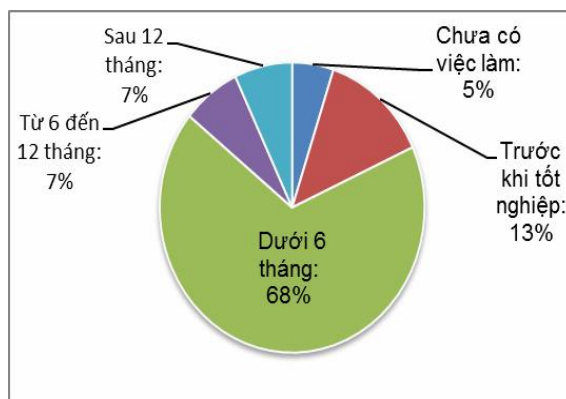
Đặc điểm đối tượng khảo sát	Số lượng	Tỉ lệ %
Giới tính	Nam	12, 8,89
	Nữ	123, 91,11
Nhóm tuổi	Từ 20-25 tuổi	45, 33,33
	Từ 26-29 tuổi	72, 53,34
	Từ 30 tuổi trở lên	18, 13,33
Chuyên ngành đào tạo	Khiếm thị	15, 11,11
	Khiếm thính	37, 27,41
	Khuyết tật trí tuệ	83, 61,48

1. Khả năng, cơ hội việc làm của SV tốt nghiệp

1.1. Về thời gian có việc làm kể từ khi tốt nghiệp và cách thức tìm việc làm. Kết quả nghiên cứu cho thấy, 2/3 số SV tìm được việc làm trong khoảng thời gian dưới 6 tháng, chỉ có 2 SV chưa có việc làm (chiếm 5%). Như vậy, không chỉ hầu hết SV kiếm được việc làm mà thời gian kiếm được việc làm khá

nhanh. Thậm chí, 13% SV có việc khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường (xem biểu đồ 1).

Biểu đồ 1. Thời gian có việc làm kể từ khi tốt nghiệp



SV tốt nghiệp có thể tìm được việc làm bằng nhiều cách khác nhau (bảng 2), trong đó cách thức tìm được việc làm thông qua bạn bè hoặc người quen giới thiệu là nhiều nhất (48,15%).

Bảng 2. Cách thức tìm việc làm của SV tốt nghiệp

TT	Cách thức tìm việc làm	Số lượng	Tỉ lệ %	Thứ bậc
1	Khoa GDĐB/ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội giới thiệu	30	22,22	2
2	Bạn bè/ người quen giới thiệu	65	48,15	1
3	Người trong gia đình giới thiệu	12	8,89	4
4	Trung tâm giới thiệu việc làm	0	0,00	8
5	Hội chợ việc làm	0	0,00	8
6	Thông qua giới thiệu quảng cáo	6	4,44	5
7	Tự tạo việc làm	17	12,59	3
8	Khác	5	3,70	6
Tổng cộng		135	100%	

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

1.2. Về nơi làm việc và các lĩnh vực liên quan tới việc làm. Theo mục tiêu của chương trình đào tạo ngành GDĐB của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, SV tốt nghiệp có thể là: 1) Giáo viên, nhân viên hỗ trợ ở các cơ sở giáo dục chuyên biệt, bán hòa nhập, hòa nhập và Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; 2) Chuyên viên quản lý GDĐB trong các cơ quan quản lý giáo dục; 3) Giáo viên, giảng viên ở các cơ sở đào tạo có tổ chức đào tạo về lĩnh vực GDĐB; 4) Cán bộ nghiên cứu trong các cơ quan nghiên cứu về giáo dục; 5) Cán bộ tư vấn trong các tổ chức chính trị, văn hóa, xã hội, đoàn thể, doanh nghiệp, các trung tâm tư thực, các tổ chức quốc tế đang hoạt động ở Việt Nam [3].

Kết quả nghiên cứu cho thấy, nơi làm việc của SV tốt nghiệp khá đa dạng, ngoài các cơ sở giáo dục còn có các cơ sở như y tế, lao động thương binh xã hội, các tổ chức phi chính phủ...; làm việc trong các cơ sở dân lập, hình thức khác nhiều hơn trong các cơ sở công lập (bảng 3).

Bảng 3. Nơi làm việc của SV tốt nghiệp

TT	Nơi làm việc	Số lượng	Tỉ lệ	Thứ bậc
1	Các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp	19	14,07	2
2	Các viện/ Trung tâm nghiên cứu	14	10,37	5
3	Cơ sở giáo dục công lập - chuyên biệt	15	11,11	4
4	Cơ sở giáo dục công lập - hòa nhập	5	3,70	7
5	Bệnh viện/ các cơ sở y tế	5	3,70	7
6	Các cơ sở giáo dục dân lập - chuyên biệt	50	37,04	1
7	Các cơ sở giáo dục dân lập - hòa nhập	17	12,59	3
8	Gia sư	2	1,48	10
9	Tổ chức phi chính phủ	5	3,70	7
10	Khác	3	2,22	9
	Tổng cộng	135	100,00	

Những SV khóa đầu tiên (ra trường những năm 2004-2007) có nhiều cơ hội xin việc làm ở các trường đại học, cao đẳng bởi thời điểm tốt nghiệp cũng là các trường đại học, cao đẳng thành lập khoa GDĐB hoặc bộ môn có đào tạo về GDĐB, các cơ sở này còn thiếu nguồn nhân lực. Đó là các Khoa GDĐB của Trường Cao đẳng Trung ương ở Hà Nội, Nha Trang, TP. Hồ Chí Minh; Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, Đại học Sư phạm Quy Nhơn, Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh. Khoảng 5 năm gần đây, ít có SV được nhận vào các cơ sở đại học và cao đẳng.

Viện/trung tâm nghiên cứu về GDĐB cũng là nơi tiếp nhận SV GDĐB với vị trí là nghiên cứu viên hoặc giáo viên dạy/can thiệp trẻ có nhu cầu đặc biệt phục vụ cho công tác nghiên cứu.

Tỉ lệ SV tốt nghiệp làm việc tại các trường công lập (chuyên biệt và hòa nhập) thấp hơn hẳn so với các trường dân lập. Thực tế, nhiều trường công lập chuyên biệt và hòa nhập dạy trẻ khuyết tật rất cần có giáo viên GDĐB nhưng không được phép tuyển dụng SV tốt nghiệp ngành GDĐB do các quy định tuyển dụng giáo viên của trường không đề cập tới đối tượng này. Đây là vấn đề bất cập, có chuyên ngành đào tạo GDĐB nhưng chưa có vị trí việc làm có tên gọi cụ thể, ví dụ "Giáo viên GDĐB". Chính vì thực tế này đã tồn tại nhiều năm nên đã có nhiều SV GDĐB phải học thêm văn bằng thứ hai (mầm non, tiểu học) để có thể xin được việc làm tại các cơ sở giáo dục công lập. Điều này cũng lí giải tại sao có đến hơn 2/3 số SV tốt nghiệp làm việc tại các cơ sở dân lập hoặc các cơ sở không thuộc ngành giáo dục.

2. Tình hình việc làm của SV tốt nghiệp

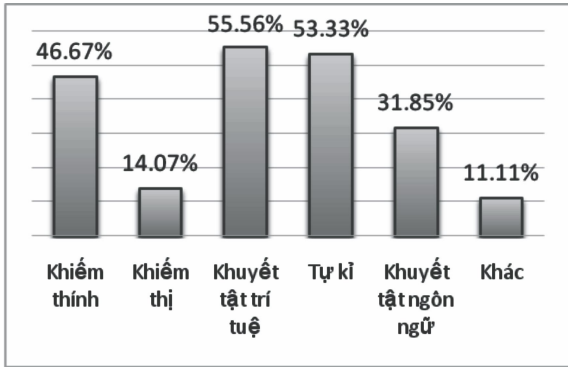
2.1. Về chức vụ, nhiệm vụ tại các cơ sở làm việc: Đa số SV tốt nghiệp theo đuổi công việc của người giáo viên (gần 70%), trong đó nhiều nhất là những người làm công tác can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật tại trung tâm và tại nhà (khoảng 50%). Có 8,89% SV tốt nghiệp đã làm cán bộ quản lý hoặc giữ chức vụ chủ chốt trong các cơ sở liên quan tới GDĐB (bảng 4).

Vấn đề	Phân loại	Số lượng	Tỉ lệ %
Chức vụ	Quản lý	12	8,89
	Nhân viên	24	17,78
	Giáo viên	94	69,63
	Khác	5	3,70
	Tổng số	135	100
Nhiệm vụ	Giảng viên	19	14,07
	Cán bộ nghiên cứu	14	10,37
	Giáo viên dạy trên lớp	20	14,81
	Giáo viên hỗ trợ giáo dục hòa nhập	8	5,93
	Giáo viên can thiệp sớm	71	52,59
	Khác	3	2,22
	Tổng số	135	100,00

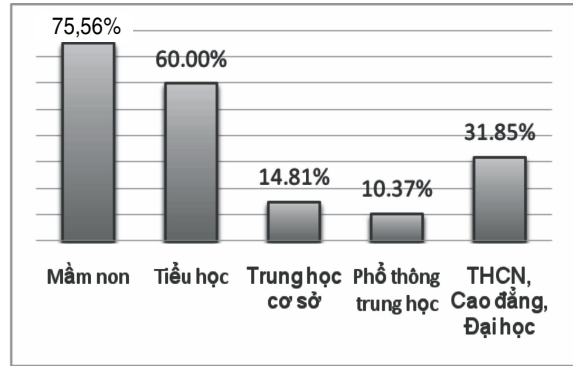
Bảng 4. Chức vụ và nhiệm vụ ở cơ sở làm việc

2.2. Về lĩnh vực chuyên môn có liên quan (biểu đồ 2, 3)

Tỉ lệ SV tốt nghiệp được đào tạo theo chuyên ngành khiếm thị - khiếm thính - khuyết tật trí tuệ lần lượt là 11,11%; 27,41%; 61,48%. Biểu đồ 2 cho thấy, công việc hàng ngày của SV tốt nghiệp liên quan tới nhóm trẻ khuyết tật rất đa dạng, tỉ lệ nhiều nhất là làm việc liên



Biểu đồ 2. Công việc có liên quan tới lĩnh vực chuyên môn nhóm khuyết tật



Biểu đồ 3. Công việc có liên quan tới lĩnh vực chuyên môn ở cấp, bậc học

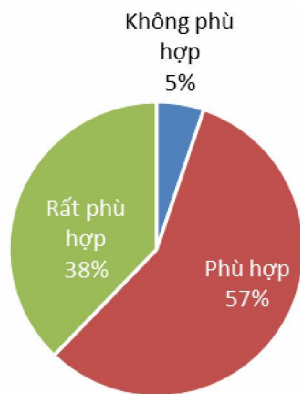
quan tới nhóm trẻ *khuyết tật trí tuệ, tự kỉ và khiếm thính*. Chuyên ngành giáo dục trẻ khuyết tật ngôn ngữ cũng được quan tâm (31,85%).

Việc làm liên quan kiến thức ở các cấp học khác nhau, trong đó nhiều nhất là liên quan đến bậc mầm non (75,56%), sau đó là cấp tiểu học (60%), điều này là phù hợp với nội dung chương trình đào tạo.

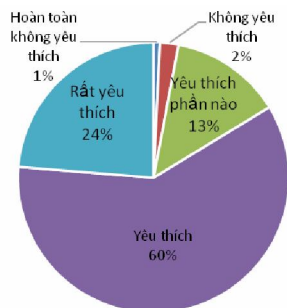
2.3. Về mức độ phù hợp với chuyên ngành được đào tạo và mức độ yêu thích công việc hiện tại (biểu đồ 4, 5)

Phần lớn (trên 90%) các ý kiến cho rằng, công việc SV tốt nghiệp đang đảm nhiệm là phù hợp và rất phù hợp với chuyên ngành đào tạo (biểu đồ 4). Như vậy, kết quả khảo sát giúp học sinh - SV lựa chọn ngành GDĐB yên tâm hơn khi đăng kí hồ sơ thi đại học và vững tâm trong quá trình đào tạo tại Khoa GDĐB, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Biểu đồ 5 cho thấy, mức độ hài lòng, yêu thích đối với công việc hiện có của SV tốt nghiệp là rất cao (hơn 80%). GDĐB đã được các SV tốt nghiệp đánh giá là một nghề không chỉ có tính nhân văn mà tính khoa học cao. Một số ý kiến cho rằng,



Biểu đồ 4. Mức độ phù hợp của công việc hiện tại với chuyên ngành được đào tạo

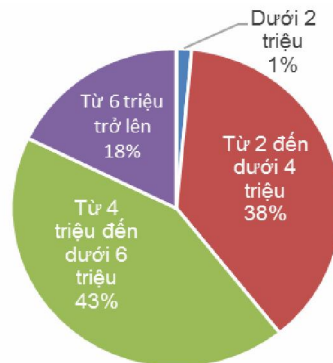


Biểu đồ 5. Mức độ yêu thích đối với công việc hiện tại

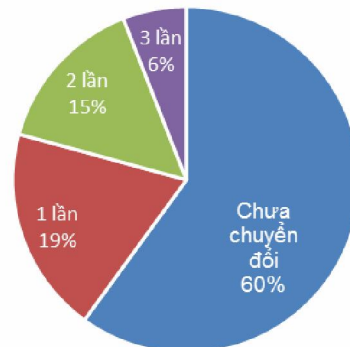
chính vì học GDĐB sau đó dạy trẻ khuyết tật đã làm cho họ thay đổi cách chăm sóc và nuôi dạy con cái hoặc những trẻ không khuyết tật. Nhiều SV tốt nghiệp cảm thấy rất vui và tự hào khi được làm việc trong lĩnh vực GDĐB.

2.4. Về mức thu nhập và số lần chuyển đổi việc làm

SV GDĐB có nhiều cơ hội xin được việc làm phù hợp và mức lương tương đối ở ngay sau thời điểm tốt nghiệp. Một số cán bộ quản lý của các cơ sở tư thục cho biết rằng mức lương trả cho SV tốt nghiệp GDĐB là cao hơn so với SV các chuyên ngành khác. Mức thu nhập trung bình được thể hiện trong biểu đồ 6.



Biểu đồ 6. Mức thu nhập của SV tốt nghiệp ngành GDĐB



Biểu đồ 7. Số lần chuyển đổi việc làm

Biểu đồ 7 cho thấy, có 60% SV tốt nghiệp GDĐB chưa chuyển đổi công việc lần nào, có 40% đã chuyển đổi từ 1 đến 3 lần. Có nhiều lí do chuyển đổi công việc khá nhanh như: công việc không phù hợp với ngành nghề đào tạo, thu thập hàng tháng thấp, năng lực không đáp ứng được công việc, không được phát huy năng lực trong công việc... đặc biệt là lí do hợp lí hóa gia đình là cao nhất. Thông thường, SV ra trường có xu hướng làm việc tại Hà Nội, do việc xin vào làm việc ở các cơ sở công lập khó, các em thường xin vào làm việc tại các cơ sở dân lập, tư thục để làm việc một thời gian, sau đó tự tách ra để mở những cơ sở mới có thể ở Hà Nội nhưng cũng có thể tại địa phương của mình. Hiện nay, chưa có con số thống kê một cách chính xác nhưng đã có rất nhiều SV tốt nghiệp mở các cơ sở (trường, lớp, nhóm trẻ) tại địa phương của mình. Đây là một dấu hiệu đáng mừng về việc phát triển các dịch vụ dành cho trẻ khuyết tật ở các tỉnh thành khác nhau. Tuy nhiên, đa số các cơ sở mới ở quy mô nhỏ, phát triển theo tính tự phát cá nhân chứ không có chiến lược hay kế hoạch phát triển chung của các tỉnh thành.

2.5. Việc đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn: Có tới 74% SV tốt nghiệp được khảo sát đã được đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn. Các khóa đã tham gia là (*bảng 5*):

Bảng 5. Đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn

Nhóm chuyên môn	Tỉ lệ	Thứ bậc
Bồi dưỡng/ tập huấn ngắn hạn	94,07	1
Thạc sĩ GDĐB	17,04	2
Thạc sĩ khác ngành GDĐB	14,07	3
Tiến sĩ	7,41	5
Khác	9,63	4

3. Các giải pháp tạo điều kiện thuận lợi về việc làm cho SV tốt nghiệp

Bảng 6 cho thấy, có 98/135 ý kiến (72,59%) cho rằng, có văn bản hướng dẫn về việc tuyển dụng giáo viên GDĐB, đây là giải pháp có số ý kiến tập trung nhiều nhất. Thông qua các trường hợp phỏng vấn sâu và tìm hiểu thực tiễn cho thấy, có quá ít các văn bản hướng dẫn về việc tuyển dụng giáo viên GDĐB nếu không muốn nói là không có/chưa có. Các vị trí việc làm như đã nêu trong chuẩn đầu ra chương trình giáo dục đại học ngành GDĐB là có; nhưng thực tế, để có được những vị trí công việc đó thì lại hết sức nan giải. Một số SV (chủ yếu tập trung vào những khóa đầu) có được các vị trí việc làm tại các trường đại học/cao đẳng hoặc các trung tâm nghiên cứu là do nhu cầu của mỗi đơn vị ở một số thời điểm nhất định như đã phân tích ở trên. Đa số SV tốt nghiệp mong muốn được làm việc tại các

Bảng 6. Các giải pháp giúp SV tốt nghiệp tìm được việc làm

Giải pháp	Số lượng	Tỉ lệ	Thứ bậc
Có văn bản hướng dẫn về việc tuyển dụng giáo viên GDĐB	98	72,59	1
Chương trình đào tạo được điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu của thị trường lao động	80	59,26	3
Các nhà tuyển dụng tham gia xây dựng chương trình đào tạo	34	25,19	10
Các nhà tuyển dụng cùng tham gia đào tạo	34	25,19	10
Đơn vị đào tạo phối hợp với các nhà đào tạo tổ chức Seminar cho SV	41	30,37	7
Đơn vị đào tạo cập nhật thông tin về nhu cầu sử dụng lao động của xã hội	61	45,19	5
Tăng thêm thời lượng thực hành thường xuyên/ kiến tập/ thực tập tại cơ sở	92	68,15	2
Tăng thêm thời lượng thảo luận/ thực hành trên lớp	38	28,15	8
Bổ sung các khóa đào tạo kĩ năng mềm	68	50,37	4
Rèn luyện các phẩm chất cá nhân	57	42,22	6
Khác	4	2,96	11

trường học với chức danh nghề nghiệp là giáo viên/giáo viên GDĐB, họ đang cố gắng tìm kiếm hay mong đợi những văn bản hướng dẫn để có được những vị trí việc làm mà trong chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã đề cập.

Nghiên cứu mở rộng và sâu hơn về vấn đề này cho thấy, thực tế hiện nay ở Việt Nam không có vị trí nghề nghiệp là giáo viên GDĐB như ở một số quốc gia khác (Hoa Kỳ, Đức, Australia, Nhật Bản...). Nghiên cứu này cũng đã tìm hiểu và được biết SV tốt nghiệp GDĐB của Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng được nhận làm giáo viên tiểu học; hoặc văn bản gần đây số 1403/SGĐT-VP, ngày 8/11/2013 của Sở GD-ĐT Đà Nẵng đã đề cập tới vấn đề tuyển dụng số SV tốt nghiệp khoa GDĐB của các trường sư phạm để giảng dạy, hỗ trợ giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật tại địa phương... Còn rất nhiều trường hợp SV tốt nghiệp cũng đã rất cố gắng trong việc thi tuyển được vào làm việc tại các cơ sở công lập nhưng không thành do không có/ chưa có văn bản pháp quy.

Ngoài giải pháp được đánh giá là quan trọng nhất (*Văn bản hướng dẫn về việc tuyển dụng giáo viên GDĐB*) còn có những giải pháp khác liên quan trực tiếp tới vấn đề chương trình đào tạo như giải pháp: *Chương trình đào tạo được điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu thị trường lao động* (59,26% ý kiến); giải pháp *Tăng thêm thời lượng thực hành thường xuyên/ kiến tập/ thực tập tại cơ sở* (68,15% ý kiến) hay *Tăng thêm thời lượng thảo luận/ thực hành trên lớp* (28,15% ý kiến). Các giải

pháp hỗ trợ khác: *Rèn luyện các kỹ năng mềm, sự tham gia của xây dựng chương trình và tham gia trong quá trình đào tạo* cũng được nhiều ý kiến quan tâm.

4. Kiến nghị

Với kết quả nghiên cứu trên, chúng tôi đề xuất một số ý kiến sau: - *Với Bộ GD-ĐT chủ trì cùng các ban ngành liên quan*: Ban hành các văn bản hướng dẫn tuyển dụng giáo viên GDĐB, xác định rõ vị trí việc làm. Đây là việc làm cần được ưu tiên; - *Với Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*: Điều chỉnh các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, bổ sung các chuyên ngành và hình thức đào tạo/ bồi dưỡng về GDĐB; Đổi mới phương pháp, phương tiện và thiết bị giảng dạy; Tăng cường thời lượng thực hành ở trên lớp cũng như tại các cơ sở giáo dục; - *Với Các đơn vị tuyển dụng*: phối hợp với đơn vị đào tạo trong việc góp ý chương trình, thỉnh giảng và hỗ trợ thực hành cho SV ngành GDĐB. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Xuân Hải và cộng sự (2014). *Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên giáo dục hòa nhập ở Việt Nam*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt.
- [2] Nguyễn Thị Hoàng Yến (2011). *Nhìn lại công tác đào tạo nhân lực cho giáo dục đặc biệt trong 10 năm qua và những thách thức trong bối cảnh mới*. Kỷ yếu hội thảo khoa học “Giáo dục đặc biệt Việt Nam: Kinh nghiệm và Triển vọng”. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2011). *Chương trình đào tạo ngành Giáo dục đặc biệt, trình độ cử nhân*.
- [4] Nguyễn Đức Hữu (2014). *Thực trạng và định hướng phát triển giáo dục trẻ khuyết tật ở Việt Nam giai đoạn 2015-2020*.
- [5] UNESCO (2014). *Tài liệu hướng dẫn tuyên truyền “Tăng cường công tác đào tạo - bồi dưỡng giáo viên giáo dục hòa nhập”*. United Nation Educational, Scientific and Culture Organization, place de Fontenoy, 75352 Paris 07 SP, France.

Sự phối hợp của nhân viên hỗ trợ...

(Tiếp theo trang 66)

kiến và mong muốn của gia đình NKT, thực sự là những người biết “lắng nghe” và tận dụng mọi cơ hội để chia sẻ kinh nghiệm, hiểu biết và thường xuyên trao đổi với gia đình NKT về cách hỗ trợ NKT trong lớp học, ở gia đình và các mối quan hệ khác trong xã hội.

2.3.4. Sự phối hợp của NVHT GD NKT với chuyên gia và NVHT khác. NVHT không chỉ phối hợp với GV, gia đình mà còn phải phối hợp với các chuyên gia và nhân viên khác. Cụ thể, NVHT NKT hỗ trợ NKT tham gia các dịch vụ trị liệu khác. NVHT phối hợp với nhân viên y tế trong vấn đề chăm sóc sức khỏe NKT, phối hợp với chuyên gia thính học nếu NKT có vấn đề về thính giác... Cụ thể các vấn đề phối hợp giữa NVHT và các chuyên gia và nhân viên khác là: **Mục tiêu phối hợp**: Tạo cho NKT phát triển toàn diện các lĩnh vực, phục hồi chức năng còn yếu. **Nội dung phối hợp**: Xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động can thiệp và trị liệu, đánh giá kết quả can thiệp và trị liệu; **Cách thức phối hợp**: Khi NKT tiếp cận trường học, họ được tiếp xúc với nhiều lực lượng hỗ trợ GD, can thiệp và trị liệu. Do đó, NVHT cần là cầu nối để xây dựng và phát triển tốt mối quan hệ này. NVHT GD NKT cần hợp tác với các chuyên gia và NVHT khác trong việc cùng xây dựng và thực hiện kế hoạch GD, can thiệp và trị liệu cho NKT.

NVHT GD NKT đóng vai trò quan trọng trong công tác GD NKT. Trong mỗi môi trường GD hòa nhập hay GD chuyên biệt, NVHT đều thực hiện những nhiệm vụ hỗ trợ quan trọng như: xây dựng kế hoạch GD NKT, hỗ trợ trực tiếp và gián tiếp cho NKT trong các hoạt động học tập và hoạt động ngoài giờ lên lớp. NVHT sẽ phát huy tốt nhất hiệu quả hỗ trợ của mình nếu như có sự phối hợp chặt chẽ với các lực lượng khác: GV, Ban Giám hiệu và nhân viên nhà trường, gia đình NKT và các NVHT khác. Do đó, các nhà xây dựng chính sách cần có những quy định rõ ràng về nội dung, quy chế của sự phối hợp này để phát huy tối đa hiệu quả của sự phối hợp. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT- Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ (2016). *Dự thảo lần thứ 10 Thông tư liên tịch Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phụ cấp ưu đãi đối với nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật*.
- [2] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2015). *Sổ liệu cơ bản về người khuyết tật*.
- [3] Canada Department of Education (2005). *Teachers and support staff working together*, Standards and Guidelines, Canada.
- [4] Alison Alborz, Diana Pearson, Peter Farrell và Andy Howes (2009). *The impact of adult support staff on pupil and mainstream schools - A systematic review of evidence*. DCSF-EPPI-09-01, Research Brief.
- [5] Peter Blatchford, Paul Bassett, Penelope Brown, Rob Webster (2009). *The effect of support staff on pupil engagement and individual attention*. British Educational Research Journal, vol 35, issue 5.